

Số: 109 /2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại
tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số
71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số
95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số
142/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật
Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 281/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định

một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất, bao gồm làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác; làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm; gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp.

a) Trường hợp được xác định là không thể khôi phục lại tầng đất đang canh tác với độ dày như trước khi vi phạm hoặc có thể khôi phục lại nhưng đất đã mất khả năng sử dụng vào mục đích đã được xác định; trường hợp diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện và đã có quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác.

b) Trường hợp được xác định là không thể loại bỏ, bóc tách các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng để đưa diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; trường hợp diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện và đã có quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp

bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm.

c) Trường hợp được xác định là không thể khôi phục độ màu mỡ của đất, bảo đảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định hoặc trường hợp diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền chấp thuận đối với hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp.

2. Đối với hành vi vi phạm làm biến dạng địa hình đất, bao gồm thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất; san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi); san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận).

a) Trường hợp được xác định là không thể hoàn trả, khôi phục lại độ dốc bề mặt đất như tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc trường hợp làm thay đổi bề mặt đất từ đất dốc, đất không bằng phẳng thành đất bằng phẳng; trường hợp tại thời điểm xử lý vi phạm hành chính, diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được cho thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đối với hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất.

b) Trường hợp được xác định là không thể trả lại hiện trạng đất có mặt nước chuyên dùng như trước khi vi phạm hoặc trường hợp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng đó không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích đã được xác định đối với hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi).

c) Trường hợp được xác định là không thể đưa bề mặt của diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định hoặc trường hợp diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền chấp thuận đối với hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận

quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận).

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất:

a) Đối với hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Buộc phải khôi phục lại tầng đất đang canh tác với độ dày như trước khi vi phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Loại đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác là loại đất cũ đã lấy đi; trường hợp đất cũ đã được vận chuyển đi để sử dụng vào mục đích khác thì sử dụng đất có thành phần, tính chất tương đương với loại đất ban đầu để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng (trong điều kiện bình thường không bị thay đổi độ dày tầng đất đang canh tác).

b) Đối với hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm: Buộc phải loại bỏ, bóc tách các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng ra khỏi phạm vi diện tích đất vi phạm để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất hoặc tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Trường hợp đất cũ đã được vận chuyển đi một phần để sử dụng vào mục đích khác thì sử dụng đất có thành phần, tính chất tương đương với loại đất ban đầu để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng (trong điều kiện bình thường không bị thay đổi lớp mặt của đất).

c) Đối với hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp: Buộc phải thực hiện các biện pháp cải tạo đất phù hợp với điều kiện thực tế của khu đất vi phạm để bảo vệ đất, khôi phục độ màu mỡ của đất, bảo đảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình

a) Đối với hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất vi phạm: Buộc phải thực hiện các biện pháp để khôi phục độ dốc, độ cao bề mặt đất như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm hoặc ngang bằng với các thửa đất liền kề (trong điều kiện bình thường không bị thay đổi độ dốc, độ cao bề mặt đất) và cải tạo đất để khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích ban đầu đã được xác định, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

b) Đối với các hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Buộc phải nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng có khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

c) Đối với các hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận): Buộc phải khôi phục lại bề mặt đất như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm và cải tạo đất để khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

3. Việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề, đồng thời phải tuân thủ đúng quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan, không được lợi dụng việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để thực hiện các hành vi trái với quy định pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường

Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại Điều 3 Quyết định này và phối hợp với cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xác định kết quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính

phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và PT, TH tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Sở Tư pháp để đăng tải “Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh”
- Lưu: VT (H.Phương). *HP*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Mea*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phước Thiện